

LỊCH GIẢNG KHOA ĐIỀU DƯỠNG - KTYH - HKII TUẦN 11

| Tuần 11 - Học kỳ II - Năm học: 2024 - 2025 (Từ ngày 21/4/2025 đến ngày 26/4/2025) |                                              |     |            |           |              |            |               |            |             |           |              |            |             |           |      |
|-----------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----|------------|-----------|--------------|------------|---------------|------------|-------------|-----------|--------------|------------|-------------|-----------|------|
| TT                                                                                | MÔN HỌC                                      | TC  | GIẢNG VIÊN | 2         |              | 3          |               | 4          |             | 5         |              | 6          |             | 7         |      |
|                                                                                   |                                              |     |            | 21/4/2025 |              | 22/4/2025  |               | 23/4/2025  |             | 24/4/2025 |              | 25/4/2025  |             | 26/4/2025 |      |
|                                                                                   |                                              |     |            | PHÒNG     | TIẾT         | PHÒNG      | TIẾT          | PHÒNG      | TIẾT        | PHÒNG     | TIẾT         | PHÒNG      | TIẾT        | PHÒNG     | TIẾT |
| LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 14A                                                       |                                              |     |            |           |              |            |               |            |             |           |              |            |             |           |      |
| 1                                                                                 | Tiếng Anh                                    | 2-2 | ĐTTVAN     |           |              | P3         | 5 - 7 (TH21)  |            |             | P3        | 1 - 3 (TH22) |            |             |           |      |
| 2                                                                                 | Chính trị                                    | 5-0 | NTTTRANG   | P5        | 1 - 4 (B14)  |            |               | P5         | 5 - 8 (B15) |           |              |            |             |           |      |
| 3                                                                                 | Kiểm soát NK- ATNB- Cấp cứu ban đầu (Nhóm 1) | 1-1 | LHCTHUY    |           |              |            |               |            |             |           |              |            |             |           |      |
| 4                                                                                 | Kiểm soát NK- ATNB- Cấp cứu ban đầu (Nhóm 2) | 1-1 | LHCTHUY    |           |              |            |               |            |             |           |              |            |             |           |      |
| 5                                                                                 | Giao tiếp - GDSK trong TH ĐD                 | 1-1 | PTPHIEN    |           |              | PTH        | 7 giờ 30 THI  |            |             |           |              |            |             |           |      |
| 6                                                                                 | Giáo dục thể chất                            | 0-2 | NÔNGNGUYEN |           |              |            |               | Sân trường | 1 - 3 (B9)  |           |              | Sân trường | 1 - 3 (B10) |           |      |
| 7                                                                                 | Điều dưỡng cơ sở I (Nhóm 1)                  | 1-1 | NTHLAM     |           |              |            |               |            |             | PMP       | 5 - 7 (B2)   |            |             |           |      |
| 8                                                                                 | Điều dưỡng cơ sở I (Nhóm 2)                  | 1-1 | NTHLAM     |           |              |            |               |            |             |           |              | PMP        | 5 - 7 (B2)  |           |      |
| LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 14B                                                       |                                              |     |            |           |              |            |               |            |             |           |              |            |             |           |      |
| 1                                                                                 | Tiếng Anh                                    | 2-2 | ĐTTVAN     | P3        | 5 - 7 (TH21) |            |               |            |             | P3        | 5 - 7 (TH22) |            |             |           |      |
| 2                                                                                 | Chính trị                                    | 5-0 | NTTTRANG   | P5        | 1 - 4 (B14)  |            |               | P5         | 5 - 8 (B15) |           |              |            |             |           |      |
| 3                                                                                 | Kiểm soát NK- ATNB- Cấp cứu ban đầu (Nhóm 1) | 1-1 | TTTAN      |           |              |            |               |            |             |           |              |            |             |           |      |
| 4                                                                                 | Kiểm soát NK- ATNB- Cấp cứu ban đầu (Nhóm 2) | 1-1 | TTTAN      |           |              |            |               |            |             |           |              |            |             |           |      |
| 5                                                                                 | Giao tiếp - GDSK trong TH ĐD                 | 1-1 | PTPHIEN    |           |              | PTH        | 13 giờ 30 THI |            |             |           |              |            |             |           |      |
| 6                                                                                 | Giáo dục thể chất                            | 0-2 | NÔNGNGUYEN |           |              | Sân trường | 1 - 3 (B8)    |            |             |           |              |            |             |           |      |

|   |                             |     |        |  |  |  |  |  |  |      |               |               |  |  |
|---|-----------------------------|-----|--------|--|--|--|--|--|--|------|---------------|---------------|--|--|
| 7 | Điều dưỡng cơ sở I (Nhóm 1) | 1-1 | LTHONG |  |  |  |  |  |  |      | PKB1          | 1 - 3<br>(B3) |  |  |
| 8 | Điều dưỡng cơ sở I (Nhóm 2) | 1-1 | LTHONG |  |  |  |  |  |  | PKB1 | 1 - 3<br>(B3) |               |  |  |

**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 14C**

|   |                                              |     |          |     |                 |     |                |     |                 |            |                |     |                |  |  |
|---|----------------------------------------------|-----|----------|-----|-----------------|-----|----------------|-----|-----------------|------------|----------------|-----|----------------|--|--|
| 1 | Tiếng Anh                                    | 2-2 | ĐTTVAN   | P.3 | 1 - 3<br>(TH21) |     |                | P.3 | 5 - 7<br>(TH22) |            |                |     |                |  |  |
| 2 | Chính trị                                    | 5-0 | NTTTRANG |     |                 |     |                |     |                 | P.5        | 5 - 8<br>(B14) | P.5 | 5 - 8<br>(B15) |  |  |
| 3 | Kiểm soát NK- ATNB- Cấp cứu ban đầu (Nhóm 1) | 1-1 | PTPHIEN  |     |                 |     |                |     |                 |            |                |     |                |  |  |
| 4 | Kiểm soát NK- ATNB- Cấp cứu ban đầu (Nhóm 2) | 1-1 | PTPHIEN  |     |                 |     |                |     |                 |            |                |     |                |  |  |
| 5 | Giao tiếp - GDSK trong TH ĐD                 | 1-1 | LTKDIEM  |     |                 |     |                | PTH | 7 giờ 30<br>THI |            |                |     |                |  |  |
| 6 | Giáo dục thể chất                            | 0-2 | NĐNGUYEN |     |                 |     |                |     |                 | Sân trường | 1 - 3<br>(B9)  |     |                |  |  |
| 7 | Điều dưỡng cơ sở I (Nhóm 1)                  | 1-1 | LHATHI   |     |                 | PCB | 9 - 11<br>(B3) |     |                 |            |                | PCB | 1 - 3<br>(B4)  |  |  |
| 8 | Điều dưỡng cơ sở I (Nhóm 2)                  | 1-1 | VTNGOC   |     |                 |     |                |     |                 |            |                | PMP | 1 - 3<br>(B2)  |  |  |

**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 14D**

[illegible]

**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 13A**

|   |                           |     |        |  |
|---|---------------------------|-----|--------|--|
| 1 | CSSK Người lớn 2 (Nhóm 1) | 2-1 | LTHONG |  |
|---|---------------------------|-----|--------|--|

|                             |                                 |       |         |      |              |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
|-----------------------------|---------------------------------|-------|---------|------|--------------|------|--------------|------|--------------|------|--------------|------|--------------|-----|-------|
| 2                           | CSSK Người lớn 2 (Nhóm 2)       | 2-1   | LTHONG  |      |              |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
| 3                           | CSSK Người lớn 3 (Nhóm 1)       | 2-2   | NNMDUNG |      |              |      |              | PKB1 | 5 - 7 (TH13) | PKB1 | 5 - 7 (TH14) |      |              |     |       |
| 4                           | CSSK Người lớn 3 (Nhóm 2)       | 2-2   | NNMDUNG | PKB1 | 5 - 7 (TH13) |      |              |      |              |      |              | PKB1 | 5 - 7 (TH14) |     |       |
| 5                           | CSSK PNBMGD (Nhóm 1)            | 2-1   | PTPHIEN | PTH1 | 5 - 7 (TH5)  |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
|                             | CSSK PNBMGD (Nhóm 2)            | 2-1   | PTPHIEN |      |              |      |              |      |              | PTH1 | 5 - 7 (TH5)  |      |              |     |       |
| 6                           | Tiếng Anh (Học lại ghép 14D)    | 2-2   | ĐTTVAN  |      |              |      |              |      |              |      |              |      |              | P.3 | 5 - 7 |
| 7                           | TTBV Chăm sóc sức khỏe NL I, II | 0-5   |         | BV   | 1 - 4        | BV   | 1 - 4        | BV   | 1 - 4        | BV   | 1 - 4        | BV   | 1 - 4        |     |       |
| 8                           | TTBV Chăm sóc sức khỏe NL III   | 0 - 2 | HĐ      |      |              |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
| LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 13B |                                 |       |         |      |              |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
| 1                           | CSSK Người lớn 2 (Nhóm1)        | 2-1   | TTTAN   |      |              |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
| 2                           | CSSK Người lớn 2 (Nhóm 2)       | 2-1   | TTTAN   |      |              |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
| 3                           | CSSK Người lớn 3 (Nhóm 1)       | 2-2   | NNMDUNG |      |              | PKB1 | 5 - 7 (TH12) |      |              |      |              |      |              |     |       |
| 4                           | CSSK Người lớn 3 (Nhóm 2)       | 2-2   | LHATHI  | PCB  | 5 - 7 (TH12) |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
| 5                           | CSSK PNBMGD (Nhóm 1)            | 2-1   | LTKDIEM | PTH2 | 5 - 7 (TH5)  |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
|                             | CSSK PNBMGD (Nhóm 2)            | 2-1   | PTPHIEN |      |              |      |              |      |              |      |              | PTH1 | 5 - 7 (TH5)  |     |       |
| 6                           | Tiếng Anh (Học lại ghép 14CD)   | 2-2   | ĐTTVAN  |      |              |      |              | P.3  | 5 - 7        |      |              |      |              |     |       |
| 7                           | TTBV Chăm sóc sức khỏe NL I, II | 0-5   |         | BV   | 1 - 4        | BV   | 1 - 4        | BV   | 1 - 4        | BV   | 1 - 4        | BV   | 1 - 4        |     |       |
| 8                           | TTBV Chăm sóc sức khỏe NL III   | 0 - 2 | HĐ      |      |              |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
| LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 13C |                                 |       |         |      |              |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
| 1                           | CSSK Người lớn 2 (Nhóm 1)       | 2-1   | NTHLAM  |      |              |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |
| 2                           | CSSK Người lớn 2 (Nhóm 2)       | 2-1   | NTHLAM  |      |              |      |              |      |              |      |              |      |              |     |       |

[illegible]

**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 12A**

|   |                                  |       |          |    |       |    |       |    |       |    |       |    |       |  |  |
|---|----------------------------------|-------|----------|----|-------|----|-------|----|-------|----|-------|----|-------|--|--|
| 1 | CSNBHSTC và chống độc (Ghép 12B) | 2-0   | DTNGUYET |    |       |    |       |    |       |    |       |    |       |  |  |
| 2 | Quản lý điều dưỡng               | 0-1   | VDTRAM   |    |       |    |       |    |       |    |       |    |       |  |  |
| 3 | Điều dưỡng PHCN (Môn tự chọn)    | 2-0   | LTHONG   |    |       |    |       |    |       |    |       |    |       |  |  |
| 4 | Nghiên cứu điều dưỡng            | 0-1.5 | NVTOI    |    |       |    |       |    |       |    |       |    |       |  |  |
| 5 | Chính trị (Học lại ghép 14CD)    | 5-0   | NTTTRANG |    |       |    |       |    |       |    |       |    |       |  |  |
| 6 | Chăm sóc sức khỏe cộng đồng      | 0 - 1 | ĐTNGUYET |    |       |    |       |    |       |    |       |    |       |  |  |
| 7 | TTBV CSNBHSTC CD                 |       |          | BV | 1 - 8 | BV | 1 - 8 | BV | 1 - 8 | BV | 1 - 8 | BV | 1 - 8 |  |  |
| 8 | TTBC ĐDPHCN                      |       |          | BV | 1 - 8 | BV | 1 - 8 | BV | 1 - 8 | BV | 1 - 8 | BV | 1 - 8 |  |  |

**LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 12B**

[illegible]

|                                      |                                                     |         |               |             |                 |            |              |             |              |            |             |      |                  |  |  |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------|---------------|-------------|-----------------|------------|--------------|-------------|--------------|------------|-------------|------|------------------|--|--|
| 3                                    | Điều dưỡng PHCN (Ghép 12A)                          | 2-0     | LTHONG        |             |                 |            |              |             |              |            |             |      |                  |  |  |
| 4                                    | Nghiên cứu điều dưỡng                               | 0-1.5   | NVTOI         |             |                 |            |              |             |              |            |             |      |                  |  |  |
| 5                                    | Chăm sóc sức khỏe cộng đồng                         | 0 - 1   | ĐTNGUYET      |             |                 |            |              |             |              |            |             |      |                  |  |  |
| 7                                    | TTBV CSNBHSTC CD                                    |         |               | BV          | 1 - 8           | BV         | 1 - 8        | BV          | 1 - 8        | BV         | 1 - 8       | BV   | 1 - 8            |  |  |
| 8                                    | TTBC ĐDPHCN                                         |         |               | BV          | 1 - 8           | BV         | 1 - 8        | BV          | 1 - 8        | BV         | 1 - 8       | BV   | 1 - 8            |  |  |
| LỚP CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG 11 (HỌC LẠI) |                                                     |         |               |             |                 |            |              |             |              |            |             |      |                  |  |  |
| 1                                    | CSNL 2 ( GHÉP N1 13C)                               | 2-1     | NTHLAM        |             |                 |            |              |             |              |            |             |      |                  |  |  |
| 2                                    | TTBV Chăm sóc sức khỏe NL I, II (Học lại ghép 13C)  | 0-5     |               | BV          | 1-4             | BV         | 1-4          | BV          | 1-4          | BV         | 1-4         | BV   | 1-4              |  |  |
| LỚP CAO ĐẲNG PHCN 5                  |                                                     |         |               |             |                 |            |              |             |              |            |             |      |                  |  |  |
| 1                                    | Tiếng Anh                                           | 2-2     | CÔ TIÊN       |             |                 |            |              | P2          | 5 - 7 TH13   | P2         | 5 - 7 TH14  | P2   | 5 - 7 TH15       |  |  |
| 2                                    | KSNK và ATNB - Điều dưỡng cơ bản và Cấp cứu ban đầu | 1.5-1.5 | VTNGOC        | PKB Cô Ngọc | 1 - 3 LT6 (HLT) |            |              | PKB Cô Ngọc | 1 - 3 TH1    |            |             |      |                  |  |  |
| 3                                    | Tin học                                             | 1-2     | PHLOC NTKTHAO |             |                 | P8         | 9 - 12 (B18) |             |              |            |             |      |                  |  |  |
| 4                                    | GPSL Bệnh học 2 - Dược lý                           | 3-1     | ĐTNGUYET      |             |                 | P4 Cô Linh | 1 - 4 LT9    |             |              | P4 Cô Linh | 1 - 4 LT10  |      |                  |  |  |
| 5                                    | Quá trình phát triển con người                      | 2-0     | LCQANH        |             |                 |            |              |             |              |            |             |      |                  |  |  |
| 6                                    | Chính trị (Học lại ghép 14C)                        | 5-0     | NTTTRANG      | P.5         | 1 - 4           |            |              |             |              |            |             |      |                  |  |  |
| LỚP CAO ĐẲNG PHCN 4                  |                                                     |         |               |             |                 |            |              |             |              |            |             |      |                  |  |  |
| 1                                    | Y học cổ truyền                                     | 1-1     | HPTPHUNG      |             |                 | PTH3       | 1 - 3 (TH7)  | PTH3        | 1 - 3 (TH8)  |            |             |      |                  |  |  |
| 2                                    | Các PTĐTVL&QLKP                                     | 1-1     | LCQANH        | PTH3        | 5 - 7 (TH8)     |            |              |             |              | PTH3       | 5 - 7 (TH9) | PTH3 | 5 - 7 (TH10) (H) |  |  |
| 3                                    | Vận động TL & Hoạt động TL                          | 1-1.5   | LCQANH        |             |                 |            |              | PTH3        | 5 - 7 (TH13) |            |             |      |                  |  |  |
| 4                                    | Xoa bóp trị liệu                                    | 1-1     | HPTPHUNG      |             |                 | PTH3       | 5 - 7 (TH4)  |             |              |            |             | PTH3 | 1 - 3 (TH5)      |  |  |
| 5                                    | VLTL-PHCN các bệnh về khớp                          | 1-1     | VQTUNG        |             |                 |            |              |             |              |            |             |      |                  |  |  |

|                            |                                                        |       |                   |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
|----------------------------|--------------------------------------------------------|-------|-------------------|----|-------|-------|-----------------|-----------|----------------|-------|--------------|-----------|----------------|----|-------|
| 6                          | VLTL-PHCN bệnh thần kinh cơ                            | 1-1   | PTLUU             |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 7                          | Quá trình phát triển con người<br>(Học lại ghép PHCN5) | 2-0   | LCQANH            |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 8                          | Thực tập BV 1                                          | 0-4   | LCQANH            |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 9                          | Chính trị (Học lại ghép 14AB)                          | 5-0   | NTTTRANG          | P5 | 1 - 4 |       |                 | P5        | 5 - 8          |       |              |           |                |    |       |
| <b>LỚP CAO ĐẲNG PHCN 3</b> |                                                        |       |                   |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 1                          | PHCN dựa vào Cộng đồng                                 | 1-1   | LTHONG            |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 2                          | VLTL-PHCN CNBCCC & DCTG                                | 1-1   | LCQANH            |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 3                          | Thực tập BV 3                                          | 0-4   | HDONG             | BV | 1 - 8 | BV    | 1 - 8           | BV        | 1 - 8          | BV    | 1 - 8        | BV        | 1 - 8          | BV | 1 - 8 |
| 4                          | Thực tế tốt nghiệp                                     | 0-6   | HDONG             |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| <b>LỚP CAO ĐẲNG XN 2</b>   |                                                        |       |                   |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 1                          | Hóa phân tích<br>(Học lại ghép Dược 10C)               | 1-2   | NTDIEP<br>NNTRIEU |    |       |       |                 | PTH 1 + 2 | 1 - 3<br>TL15  |       |              | PTH 1 + 2 | 1 - 3<br>TL16  |    |       |
| <b>LỚP CAO ĐẲNG XN 3</b>   |                                                        |       |                   |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 1                          | Thực hành xét nghiệm 2                                 | 0-6   | NTTKIET<br>TNKHOI |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 2                          | Hóa sinh nâng cao<br>(Môn tự chọn)                     | 0-3   | NTTKIET           | BV | 1 - 8 | BV    | 1 - 8           | BV        | 1 - 8          | BV    | 1 - 8        | BV        | 1 - 8          | BV | 1 - 8 |
| 3                          | Thực tế tốt nghiệp                                     | 0-6   | NTKIET            |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| <b>LỚP CAO ĐẲNG XN 4</b>   |                                                        |       |                   |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 1                          | Pháp luật (Ghép Dược 9A)                               | 2-0   | TLQTRINH          |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 2                          | Huyết học tế bào                                       | 1.5-1 | NTTKIET           |    |       | P8    | 7 giờ 30<br>THI |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 3                          | Vi sinh y học 2                                        | 3-0   | TNKHOI            |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 4                          | Hóa sinh                                               | 3-1   | NTTKIET           |    |       |       |                 | PTHXN     | 1 - 3<br>(TH7) |       |              | PTHXN     | 1 - 3<br>(TH8) |    |       |
| 5                          | Kí sinh trùng 1                                        | 1-1   | TNKHOI            |    |       |       |                 |           |                |       |              |           |                |    |       |
| 6                          | KTXN chất độc                                          | 3-0   | TNKHOI            |    |       | PTHXN | 5 - 8<br>LT8    |           |                | PTHXN | 5 - 8<br>LT9 |           |                |    |       |

|                         |                                           |     |                   |     |              |               |                 |           |               |               |               |           |               |  |  |
|-------------------------|-------------------------------------------|-----|-------------------|-----|--------------|---------------|-----------------|-----------|---------------|---------------|---------------|-----------|---------------|--|--|
| 7                       | Đảm bảo và KT chất lượng XN               | 1-1 | NTTKIET           |     |              |               |                 |           |               | PTHXN         | 1 - 3<br>TH6  |           |               |  |  |
| 8                       | Tiếng Anh<br>(Học lại ghép ghép 14C)      | 2-2 | ĐTTVAN            | P.3 | 1-3          |               |                 |           |               |               |               |           |               |  |  |
| 9                       | Hóa phân tích<br>(Học lại ghép Dược 10B)  | 1-2 | NTDIEP<br>NNTRIEU |     |              |               |                 | PTH 1 + 2 | 5 - 7<br>TL15 |               |               | PTH 1 + 2 | 5 - 7<br>TL16 |  |  |
| <b>LỚP CAO ĐẲNG XN5</b> |                                           |     |                   |     |              |               |                 |           |               |               |               |           |               |  |  |
| 1                       | Tiếng Anh (Ghép PHCN5)                    | 2-2 | CÔ TIÊN           |     |              |               |                 | P2        | 5 - 7<br>TH13 | P2            | 5 - 7<br>TH14 | P2        | 5 - 7<br>TH15 |  |  |
| 2                       | Tin học                                   | 1-2 | NTKTHAO<br>PHLOC  |     |              | P8            | 9 - 12<br>(B18) |           |               |               |               |           |               |  |  |
| 3                       | GPSL Bệnh học 2 - Dược lý<br>(Ghép PHCN5) | 3-1 | NQBAO<br>ĐTNGUYET |     |              | P4<br>Cô Linh | 1 - 4<br>LT9    |           |               | P4<br>Cô Linh | 1 - 4<br>LT10 |           |               |  |  |
| 4                       | Hóa phân tích<br>(Ghép Dược 10C)          | 1-2 | NTDIEP<br>NNTRIEU |     |              |               |                 | PTH 1 + 2 | 1 - 3<br>TL15 |               |               | PTH 1 + 2 | 1 - 3<br>TL16 |  |  |
| 5                       | Điều dưỡng cơ bản và CCBĐ                 | 1-2 | VDTRAM<br>TTAN    | P2  | 5 - 8<br>LT3 |               |                 |           |               |               |               |           |               |  |  |

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Tới**